

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 797/2018/DS-ST

Ngày: 30-11-2018

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Bích Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Thảo

2. Ông Nguyễn Bảo Lâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Thủy – là Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018 tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 170/2017/TLST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 235/2018/QĐXXST - DS ngày 25 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 299/2018/QĐST-DS ngày 12/11/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần B; trụ sở: Đường P, quận K, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Chu Văn T, sinh năm 1988; địa chỉ: Đường Đ, phường N, Quận M, Thành phố Z (giấy ủy quyền về việc tham gia tố tụng số 193/2017/UQ-BVB-HCM ngày 29/3/2017). (Có mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn L, sinh năm 1966; địa chỉ: Đường O, Phường I, quận A, Thành phố Z. (Vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: (Tất cả vắng mặt)

- Ông Tong X, sinh năm 1971; địa chỉ: Căn hộ B6 Villa U, tổ 40, Khu phố 5 (trước đây là khu phố 3), phường G, Quận Y, Thành phố Z.

- Ông Wang W , sinh năm 1972; địa chỉ: Căn hộ B6 Villa U, tổ 40, Khu phố 5 (trước đây là khu phố 3), phường G, Quận Y, Thành phố Z.
- Ông Zang F , sinh năm 1968; địa chỉ: Căn hộ B6 Villa U, tổ 40, Khu phố 5 (trước đây là khu phố 3), phường G, Quận Y, Thành phố Z.
- Bà Lê Thị J, sinh năm 1982; địa chỉ: Căn hộ B6 Villa U, tổ 40, Khu phố 5 (trước đây là khu phố 3), phường G, Quận Y, Thành phố Z.
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ E; trụ sở: Căn hộ B6 Villa U, tổ 40, Khu phố 5, phường G, Quận Y, Thành phố Z.
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ V; trụ sở: Căn hộ B6 Villa U, tổ 40, Khu phố 5, phường G, Quận Y, Thành phố Z.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/4/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, ông Chu Văn T là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – Ngân hàng Thương mại Cổ phần B trình bày: Ngày 15/3/2016, ông Nguyễn L có vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần B – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng số 00xx/2016/HĐTD2/BVx ngày 15/3/2016 và khế ước nhận nợ số 00xx/2016/KUNN2/BVBx ngày 15/3/2016 số tiền 9.000.000.000đ, mục đích vay: mua bất động sản tại địa chỉ: Căn hộ B6 Villa U, tổ 40, Khu phố 5, phường G, Quận Y, Thành phố Z, thời hạn vay 180 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (từ ngày 15/3/2016 đến ngày 15/3/2031), lãi suất vay 7,99%/năm (12 tháng, kể từ thời điểm giải ngân), định kỳ điều chỉnh lãi suất 6 tháng/1 lần (biên độ 3,5%), lãi quá hạn bằng 1,5 lần lãi suất vay được tính từ thời điểm chuyển nợ quá hạn đến thời điểm thực trả, lịch trả nợ gốc và lãi định kỳ vào ngày 25 mỗi tháng (ngày trả đầu tiên 25/4/2016) với số tiền gốc 50.000.000đ, lãi tính trên dư nợ thực tế.

Để đảm bảo cho khoản vay, Ngân hàng B và ông Nguyễn L đã ký hợp đồng thế chấp nhà ở và quyền sử dụng đất số: 1147865.B.16.HĐTC.HCM ngày 25/3/2016 tại Phòng công chứng số 1, Thành phố Hồ Chí Minh, số công chứng: 005965, quyển số: 3 đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Quận 12 chứng nhận đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 29/3/2016 và Ngân hàng B đang giữ bản chính các giấy tờ sau: giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số hồ sơ gốc: 10895 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27/10/2004, cập nhật điều chỉnh địa chỉ nhà ở ngày 19/4/2006, cập nhật thay đổi về chủ ngày 22/3/2016; thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà đất của Chi cục thuế Quận 12 ngày 24/3/2016; giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước ngày 24/3/2016.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn L đã trả 200.000.000 đ tiền nợ gốc, 261.000.000 đ tiền nợ lãi và sau đó không tiếp tục thanh toán. Tính đến ngày 30/11/2018, ông Nguyễn L còn nợ Ngân hàng B các khoản sau (có bảng kê chi tiết đính kèm):

- Nợ gốc là 8.800.000.000đ, bao gồm: Nợ gốc trong hạn: 7.500.000.000đ, nợ gốc quá hạn: 1.300.000.000đ.

- Nợ lãi là 2.210.686.729đ, bao gồm: lãi trong hạn: 1.974.655.553đ, lãi quá hạn: 236.031.176đ.

Kể từ khi khoản vay của ông Nguyễn L chuyển sang nợ quá hạn, dù Ngân hàng nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện nhưng ông Nguyễn L vẫn có tình không trả. Nay, Ngân hàng B yêu cầu ông Nguyễn L phải thanh toán một lần toàn bộ số tiền 11.010.686.729đ ngay khi án có hiệu lực pháp luật và tiếp tục trả số tiền lãi chậm trả từ ngày 01/12/2018 theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Trường hợp ông Nguyễn L không trả và trả không đầy đủ khoản nợ, thì Ngân hàng B yêu cầu được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất quyền sử dụng thửa đất số 428-6, tờ bản đồ 2 (BĐĐC 02), diện tích 426m² và tài sản gắn liền với đất là căn nhà 03 tầng, kết cấu tường gạch, sàn BTCT, mái ngói, diện tích xây dựng 168,5m², diện tích sử dụng 407,4m² tọa lạc tại địa chỉ : Căn hộ B6 Villa U, tổ 40, Khu phố 5, phường G, Quận Y, Thành phố Z theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số hồ sơ gốc: 10895 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27/10/2004.

Bị đơn là ông Nguyễn L vắng mặt không lý do.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Tong X , ông Wang W , ông Zang F , bà Lê Thị J, Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ E, Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ V vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

- Về tố tụng: Thủ tục thụ lý, tổng đạt, thông báo, niêm yết, lấy lời khai, xác minh, thu thập chứng cứ, xác định tư cách tham gia tố tụng, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Vụ án đưa ra xét xử đúng thời hạn chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc gửi hồ sơ đến Viện kiểm sát, thực hiện các trình tự thủ tục tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định pháp luật về tố tụng.

- Về nội dung: Căn cứ Hợp đồng tín dụng 0081/2016/HĐTD2/BVB03, khế ước nhận nợ số 0081.01/2016/KUNN2/BVB03, hợp đồng thế chấp nhà ở và quyền sử dụng đất số 1147865.B.16.HĐTC.HCM ngày 25/3/2016 thể hiện BBank có cho ông L vay số tiền là 9.000.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, do ông L vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên BBank yêu cầu buộc ông L phải trả số tiền nợ gốc là 8.800.000.000 đồng, lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng và khế ước nhận là có cơ sở để chấp nhận.

Đối với yêu cầu trường hợp ông Nguyễn L không trả và trả không đầy đủ khoản nợ, thì BBank yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất số 428-6, tờ bản đồ 2(BĐĐC 02) diện tích 426 m² và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại Căn hộ B6 Villa U, tổ 40, Khu phố 5, phường G, Quận Y, Thành phố Z để thu hồi nợ là có căn cứ để chấp nhận.

Bởi các lẽ trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng Thương mại Cổ phần B (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn L trả các khoản nợ vay theo hợp đồng tín dụng đã ký, do đó có cơ sở xác định giữa Ngân hàng và ông Nguyễn L có giao kết hợp đồng dân sự vay tài sản. Do ông L có địa chỉ cư trú tại quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về sự có mặt của Viện kiểm sát và đương sự tại phiên tòa:

Do Tòa án tiến hành ủy thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt. Phía bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan dù Tòa án đã thực hiện thủ tục triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] *Về việc đưa người vào tham gia tố tụng:* Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, kết quả xác minh của Công an phường An Phú Đông, Quận 12 thì hiện nay có ông Tong X, ông Wang W, ông Zang F, bà Lê Thị J cư trú và Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ E, Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ V đăng ký trụ sở hoạt động kinh doanh tại địa chỉ B6 khu phố 3, phường G, Quận Y, Thành phố Z là tài sản bảo đảm cho khoản vay của ông Nguyễn L nên có thể làm phát sinh quyền và nghĩa vụ liên quan vì vậy cần thiết đưa vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Khi ký hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản thì ông L đứng tên ký cá nhân và theo Công văn trả lời của Ủy ban nhân dân Phường 11, quận Tân Bình thì ông L hiện đang sống độc thân nên không đủ căn cứ xác định để đưa vợ ông L vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Xét, hợp đồng tín dụng số 0081/2016/HĐTD2/BVB03 và khế ước nhận nợ số 0081/2016/KUNN2/BVB03 ngày 15/3/2016 có hình thức phù hợp, nội dung thỏa thuận tự nguyện, thể hiện ý chí của hai bên, không vi phạm điều cấm của pháp luật, phù hợp với chức năng, ngành nghề đã đăng ký nên hợp pháp, phát sinh hiệu lực. Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn vi phạm

nghĩa vụ trả nợ nên khoản vay đã chuyển sang nợ quá hạn. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo, triệu tập lên Tòa làm việc về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bị đơn vẫn không đến Tòa trình bày ý kiến do đó có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền gốc và lãi còn thiếu là 11.010.686.729đ theo quy định tại các Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi nợ trong trường hợp ông Nguyễn L không trả và trả không đầy đủ khoản nợ trên, thấy: Hợp đồng thế chấp nhà ở và quyền sử dụng đất số: 1147865.B.16.HĐTC.HCM ngày 25/3/2016 tại Phòng công chứng số 1, Thành phố Hồ Chí Minh, số công chứng: 005965, quyển số: 3 đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm đúng quy định theo khoản 2 Điều 1 Nghị định số 11/2012/NĐ – CP về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 163/2012/NĐ-CP ngày 29/12/2006 và Điều 3 Nghị định 83/2010/NĐ-CP ngày 23/7/2010 nên phát sinh hiệu lực pháp luật từ thời điểm đăng ký giao dịch bảo đảm. Tại khoản 1 Điều 6 Hợp đồng thế chấp trên, các bên có thỏa thuận xử lý tài sản thế chấp: “ Khi đến thời hạn trả nợ (kể cả trường hợp phải trả nợ trước hạn) theo hợp đồng cấp tín dụng mà bên thế chấp không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ; và/hoặc khi bên thế chấp vi phạm thỏa thuận tại hợp đồng cấp tín dụng; và/hoặc khi bên thế chấp vi phạm thỏa thuận tại hợp đồng này; và/hoặc các trường hợp phải xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật thì B Bank được toàn quyền quyết định bán hoặc thông qua các tổ chức khác để bán đấu giá tài sản thế chấp.....” nên căn cứ theo khoản 1, 2 Điều 56 Nghị định 163/2012/NĐ-CP ngày 29/12/2006 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan do không lên Tòa để trình bày ý kiến, yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Phương thức và thời hạn thanh toán: Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã lâu, gây ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên cần buộc bị đơn thanh toán một lần toàn bộ số tiền gốc và lãi ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Đối với số tiền 3.000.000đ nguyên đơn đã tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, thấy: Việc xem xét, thẩm định tại chỗ được tiến hành theo yêu cầu của nguyên đơn để giải quyết vụ án theo đúng quy định pháp luật. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu chi phí này và có trách nhiệm thanh toán lại cho nguyên đơn số tiền 3.000.000đ theo quy định tại Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí là 119.010.687đ.

Hoàn lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp là 58.613.083đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 150, Điều 157, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Áp dụng án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm đã được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn – Ngân hàng Thương mại Cổ phần B .

1.1. Buộc ông Nguyễn L có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần B số tiền tạm tính đến ngày 30/11/2018 là 11.010.686.729đ (Mười một tỷ không trăm mười triệu sáu trăm tám mươi sáu ngàn bảy trăm hai mươi chín đồng) gồm nợ gốc 8.800.000.000đ (Tám tỷ tám trăm triệu đồng), lãi trong hạn: 1.974.655.553đ (Một tỷ chín trăm bảy mươi bốn triệu sáu trăm năm mươi lăm ngàn năm trăm năm mươi ba đồng), lãi quá hạn: 236.031.176đ (Hai trăm ba mươi sáu triệu không trăm ba mươi một ngàn một trăm bảy mươi sáu đồng). Thanh toán một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngay sau khi ông Nguyễn L đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ nêu trên thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần B xóa thế chấp tại cơ quan có thẩm quyền và hoàn trả lại cho ông Nguyễn L bản chính các giấy tờ liệt kê dưới đây:

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số hồ sơ gốc: 10895 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27/10/2004, cập nhật điều chỉnh địa chỉ nhà ở ngày 19/4/2006, cập nhật thay đổi về chủ ngày 22/3/2016;

- Thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà đất của Chi cục thuế Quận 12 ngày 24/3/2016.

- Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước ngày 24/3/2016.

Đến hạn trả nợ, ông Nguyễn L không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ tín dụng nêu trên, Ngân hàng Thương mại Cổ phần B có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại địa chỉ : B6 Khu phố 3, phường G, Quận Y, Thành phố Z theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số hồ sơ gốc: 10895 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27/10/2004.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng số 0081/2016/HĐTD2/BVB03 và khế ước nhận nợ số 0081/2016/KUNN2/BVB03 ngày 15/3/2016, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông Nguyễn L vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

1.2. Ông Nguyễn L có trách nhiệm hoàn lại chi phí xem xét thẩm định tại chỗ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần B số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

Trường hợp ông Nguyễn L chậm trả tiền thì ông Nguyễn L phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn L phải chịu án phí là 119.010.687đ (Một trăm mười chín triệu không trăm mười ngàn sáu trăm tám mươi bảy đồng).

Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần B tiền tạm ứng án phí đã nộp là 58.613.083đ (Năm mươi tám triệu sáu trăm mười ba ngàn không trăm tám mươi ba đồng) theo biên lai thu số AA/2017/0006204 ngày 16/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.TB;
- CCTHADS Q.TB;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ (...).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Bích Thảo